

CÔNG TY CỔ PHẦN HỌC VIỆN PHA CHẾ VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HỌC VIỆN PHA CHẾ VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110737029

3. Ngày thành lập:

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 7, ngách 117/15 Trần Cung, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đào tạo sơ cấp	8531(Chính)
2.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt Theo Điều 21 Nghị định 66/2016/NĐ-CP quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực phẩm, giống cây trồng, nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm sữa đổi, bổ sung bởi nghị định 123/2018/NĐ-CP	1010
3.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Theo Điều 21 Nghị định 66/2016/NĐ-CP quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực phẩm, giống cây trồng, nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm sữa đổi, bổ sung bởi nghị định 123/2018/NĐ-CP	1020
4.	Chế biến và bảo quản rau quả Theo Điều 21 Nghị định 66/2016/NĐ-CP quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực phẩm, giống cây trồng, nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm sữa đổi, bổ sung bởi nghị định 123/2018/NĐ-CP	1030
5.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật Theo Điều 21 Nghị định 66/2016/NĐ-CP quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực phẩm, giống cây trồng, nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm sữa đổi, bổ sung bởi nghị định 123/2018/NĐ-CP	1040

6.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa Theo Điều 21 Nghị định 66/2016/NĐ-CP quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực phẩm, giống cây trồng, nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm sữa đổi, bổ sung bởi nghị định 123/2018/NĐ-CP	1050
7.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	1074
8.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
9.	Sản xuất chè	1076
10.	Sản xuất cà phê	1077
11.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
12.	Sản xuất hoá chất cơ bản Trừ các loại hóa chất Nhà nước cấm	2011
13.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Theo Điều 33 Luật Dược 2016	2100
14.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
15.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
16.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
17.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
18.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hoá	4610
19.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
20.	Bán buôn thực phẩm	4632
21.	Bán buôn đồ uống	4633
22.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo Theo khoản 2 Điều 26 Nghị định 67/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung bởi nghị định 106/2017/NĐ-CP	4634
23.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
24.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Trừ bán buôn dược phẩm	4649
25.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
26.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
27.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
28.	Bán buôn tổng hợp Trừ các loại Nhà nước cấm	4690

29.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Theo khoản 3 Điều 26 Nghị định 67/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung bởi nghị định 106/2017/NĐ-CP	4711
30.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
31.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
32.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
33.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
34.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh Theo khoản 3 Điều 26 Nghị định 67/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung bởi nghị định 106/2017/NĐ-CP	4724
35.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
36.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Trừ súng, đạn, tem, vàng và tiền kim khí và các loại hàng hóa Nhà nước cấm	4773
37.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ Theo khoản 3 Điều 26 Nghị định 67/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung bởi nghị định 106/2017/NĐ-CP	4781
38.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
39.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
40.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
41.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
42.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Trừ kinh doanh kho bãi	5210
43.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn; - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	5510
44.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
45.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630

46.	Cổng thông tin Chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp Trừ hoạt động báo chí không phải là ngành nghề kinh doanh theo quy định tại khoản 21 điều 4 Luật Doanh nghiệp (Khoản 7 Điều 1 Nghị định 27/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng) (Doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh dịch vụ trang thông tin điện tử tổng hợp sau khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	6312
47.	Quảng cáo Trừ các loại Nhà nước cấm	7310
48.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Theo Điều 28 Luật thương mại số 36/2005/QH1)	8299
49.	Giáo dục nhà trẻ	8511
50.	Giáo dục mẫu giáo	8512
51.	Giáo dục tiểu học	8521
52.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
53.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
54.	Đào tạo trung cấp	8532
55.	Đào tạo cao đẳng	8533
56.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm dạy về tôn giáo; các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể và các hoạt động Nhà nước cấm)	8559

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 200.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐỖ THỊ PHƯƠNG THANH	TDP Hoàng 8, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	70.000	700.000.000	35,000	0241900003 53	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	70.000	700.000.000	35,000		
2	TRƯƠNG VĂN DŨNG	Số 33 ngách 194/45 Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	30,000	0010890002 31	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	60.000	600.000.000	30,000		

